
TÁC ĐỘNG CỦA THỂ CHẾ ĐẾN NGHÈO ĐA CHIỀU Ở VIỆT NAM

Ngô Quốc Dũng

Khoa Kế hoạch và Phát triển – Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: quocdungktpt@gmail.com

Mã bài: JED - 440

Ngày nhận: 17/10/2021

Ngày nhận bản sửa: 03/11/2021

Ngày duyệt đăng: 09/02/2022

Tóm tắt:

Giảm nghèo và tiến tới xóa bỏ tình trạng nghèo là một trong những mục tiêu cuối cùng trong sự phát triển và thịnh vượng của các quốc gia. Các kết quả giảm nghèo đa chiều khác nhau ở các quốc gia khác nhau là do có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến tình trạng nghèo đa chiều và kết quả giảm nghèo đa chiều, trong đó có nhân tố thể chế. Trong bài viết này, tác động của thể chế đến nghèo đa chiều được đánh giá thông qua sử dụng dữ liệu đa tầng cấp hộ và cấp tỉnh ở Việt Nam. Sử dụng mô hình hồi quy Probit đa tầng, bài viết chỉ ra được: (i) Tác động của thể chế đến nghèo đa chiều là khác nhau giữa các địa phương; (ii) Thể chế có tác động “ngược” đến giảm nghèo đa chiều ở khu vực thành thị và những địa phương có mức thu nhập cao.

Từ khóa: Thể chế, nghèo đa chiều, khu vực thành thị, khu vực nông thôn, thu nhập.

Mã JEL: E02

Impact of institutions on multidimensional poverty in Vietnam

Abstract

Poverty alleviation and progressive poverty eradication are among the ultimate goals of nations' development and prosperity. The findings of multidimensional poverty reduction are different amongst countries due to many determinants influencing the multidimensional poverty reduction and its results, including institution factor. In this study, the impact of institutions on multidimensional poverty is assessed using multilevel data at household and provincial levels in Vietnam. By employing Multilevel Probit model, the results show that (i) the institutional impacts on multi-dimensional poverty are diverse among localities; (ii) there exists a negative relationship between institution and multi-dimensional poverty reduction in urban areas and high-income provinces.

Keywords: Institutions; multidimensional poverty; urban areas; rural areas; income

JEL Code: E02

1. Giới thiệu

Mục tiêu cuối cùng trong sự phát triển của các quốc gia là tiến bộ xã hội và xây dựng một quốc gia thịnh vượng, trong đó giảm nghèo và tiến tới xóa bỏ tình trạng nghèo là một mục tiêu. Nhưng kết quả giảm nghèo đa chiều là khác nhau ở các nước khác nhau (World Bank, 2020). Các kết quả giảm nghèo đa chiều khác nhau ở các quốc gia khác nhau là do có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến tình trạng nghèo đa chiều và kết quả giảm nghèo đa chiều. Có thể tổng hợp lại thành các nhóm nhân tố như sau:

(i) Nhóm nhân tố thuộc về phía bản thân người nghèo đó là khi người nghèo được hỗ trợ nhiều hơn ở các chiều của nghèo đa chiều thì tình trạng nghèo đa chiều giảm đi, nhóm nhân tố này được đề cập đến cụ thể bao gồm: tín dụng và bảo hiểm (Jalan & Ravallion, 1999); hiệu quả giáo dục (Dreze & Sen, 1995); hệ thống y tế (Strauss & Thomas, 1998);

(ii) Nhóm nhân tố từ tăng trưởng kinh tế (Dollar & Kraay, 2002) khẳng định rằng tăng trưởng kinh tế tạo ra nguồn lực hướng đến giảm nghèo;

(iii) Nhóm nhân tố thứ ba được đưa ra là thể chế sẽ quyết định sự thịnh vượng của các quốc gia chứ không phải tăng trưởng (Kaufmann & cộng sự, 2010; North, 1990). Nghiên cứu của Acemoglu & Robinson (2013) đã đưa ra kết luận rằng chính thể chế là yếu tố quyết định dẫn đến một số quốc gia thịnh vượng (cho dù không giàu có về tài nguyên), bên cạnh đó, nhiều quốc gia lại thất bại, không cải thiện được tình trạng nghèo nàn. Các khía cạnh cụ thể của thể chế gồm thể chế chính thức và thể chế phi chính thức cũng được các nghiên cứu chỉ ra là có tác động đến nghèo khổ (North, 1990).

Sự quan tâm đến cả hai lĩnh vực, thể chế và nghèo khổ, được Việt Nam thể hiện bằng quyết định đánh giá nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều, đồng thời khẳng định khâu đột phá trong sự phát triển nằm ở cải cách thể chế. Việt Nam đã xác định “cải cách và đổi mới thể chế là một trong ba mũi đột phá chiến lược nhằm xóa bỏ đói nghèo và hướng đến tạo dựng một xã hội thịnh vượng” (Đảng Cộng Sản Việt Nam, 2010). Mặc dù thể chế được khẳng định là một yếu tố quan trọng trong sự phát triển kinh tế, được coi là bệ đỡ của phát triển bền vững của một quốc gia, trong đó bao hàm cả mục tiêu giảm nghèo đa chiều, nhưng những nghiên cứu về nghèo ở Việt Nam phần lớn kết luận các nhân tố về kinh tế như tăng trưởng kinh tế hay nhân tố về phân phối thu nhập.v.v... là những nhân tố ảnh hưởng chính, mà ít xét đến vai trò và tác động của thể chế hoặc nếu có thì mới chỉ nhìn nhận dưới góc độ chính sách của Chính phủ về giảm nghèo.

2. Tổng quan nghiên cứu

Trong những năm gần đây, đã có nhiều nghiên cứu tranh luận tìm ra câu trả lời liệu thể chế có tác động đến giảm nghèo hay không và nếu có thì tác động là thuận chiều hay ngược chiều, trực tiếp hay gián tiếp.

Những nghiên cứu chỉ ra vai trò quan trọng của thể chế đến giảm nghèo, điển hình là Sen (1999) đã đưa vấn đề quản trị trong sự phát triển vào Chương trình Nghị sự và cho rằng sự vận hành tốt của thị trường cũng như những người dễ bị tổn thương có được nhiều cơ hội hơn trong việc đáp ứng những nhu cầu cơ bản và chia sẻ trong việc ra quyết định là do có sự tác động của khu vực nhà nước. Tương tự, Grindle (2004) đã nhấn mạnh rằng một nền quản trị tốt sẽ là điều kiện tiên quyết cho mục tiêu giảm nghèo. Ông cho rằng, ở các nền kinh tế đang phát triển với thể chế kém và tình trạng tham nhũng cao, thêm vào đó sự tham gia yếu kém của xã hội dân sự sẽ làm lãng phí nguồn lực cho tăng trưởng và không giúp giảm nghèo. Đồng quan điểm với Grindle, nghiên cứu của Reham Rizk (2012) đã sử dụng kỹ thuật phân tích dữ liệu mảng để đánh giá tác động của thể chế đến giảm nghèo với số liệu thu thập được của 71 quốc gia đang phát triển, 6 chỉ số do Kaufman & cộng sự (2010) xây dựng được tác giả sử dụng để làm thước đo đánh giá thể chế. Kết quả cho thấy, hệ số của thể chế và nghèo khổ tổng hợp (HPI) là -1.75 và có ý nghĩa thống kê, tức là nếu chỉ số thể chế tăng 1 điểm phần trăm thì mức nghèo khổ tổng hợp sẽ giảm 1,75 điểm phần trăm. Nghiên cứu của Siddique & cộng sự (2016) sử dụng “phương pháp bình phương bé nhất” và mô hình Arellano Bond để ước lượng mối quan hệ giữa thể chế với giảm nghèo ở 6 quốc gia Trung Á trong giai đoạn 1996 - 2012, cho thấy thể chế có vai trò quan trọng trong giảm nghèo, đặc biệt nghiên cứu cũng chỉ ra chất lượng bộ máy hành chính là yếu tố quan trọng nhất góp phần cải thiện thể chế nói chung và giảm nghèo.

Khi sử dụng những thước đo cụ thể để đánh giá thể chế trong phân tích tác động của thể chế đến nghèo khổ, đã mang lại nhiều chiều sâu hơn trong kết quả nhưng cũng có nhiều điểm còn chưa thống nhất. Chong & Calderón (2000) phân tích tác động của 5 chỉ số đo lường thể chế đến nghèo - dựa trên số liệu của International Country Risk Guide - cho 45 nước đang phát triển, giai đoạn 1960 - 1990. Sử dụng phương pháp OLS, các tác giả đã tìm ra 3 trong 5 chỉ số có tác động tốt và có ý nghĩa thống kê đến nghèo khổ đó là sự từ chối hợp đồng, sự rủi ro tước đoạt và chất lượng bộ máy hành chính. Một kết luận khá thú vị khác khi sự cải thiện thể chế được coi là không có tác động đến giảm nghèo trong ngắn hạn, nhưng trong dài hạn, thể chế có thể có tác động tích cực hoặc không có tác động đến giảm nghèo (Cuestas & Intartaglia, 2016). Hai nghiên cứu mới gần đây của Massimo Baldini & cộng sự (2017) và Jindra & Vaz (2019) sử dụng phương pháp ước lượng hồi quy theo mô hình Probit để đánh giá tác động của thể chế đến nghèo. Kết quả rút ra từ hai nghiên cứu này đều cho thấy tác động tích cực của thể chế đến nghèo. Bên cạnh đó, nghiên cứu của Jindra & Vaz (2019) đã sử dụng chỉ số nghèo đa chiều làm thước đo nghèo trong nghiên cứu và kết quả cũng chỉ ra được thể chế tốt có tác động tích cực hơn đến giảm nghèo đa chiều ở những nước có mức thu nhập trung bình mà không có tác động tích cực ở các nước có mức thu nhập thấp.

Nghiên cứu tác động của thể chế đến nghèo đa chiều ở Việt Nam thật sự còn rất mới mẻ, bởi thước đo nghèo đa chiều ở Việt Nam mới được đưa vào áp dụng bắt đầu từ năm 2016. UNDP & VASS (2016, tr.43) mới chỉ nêu ra được nguyên nhân của nghèo đa chiều ở Việt Nam là do “những khác biệt rõ ràng về mức

thu nhập và tỷ lệ nghèo đa chiều cấp vùng cho thấy rõ tình trạng thiếu hụt vượt ra ngoài những lý do về thu nhập, thường do các yếu tố như địa lý, những hạn chế cung cấp và các rào cản về thể chế”, mà chưa đo lường được tác động của thể chế đến nghèo đa chiều. Nghiên cứu gần đây nhất của Nguyen Viet Cuong & cộng sự (2019) đã tìm những bằng chứng để trả lời cho câu hỏi “liệu chất lượng hành chính công tốt có giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo hay không?”. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả đã sử dụng dữ liệu cấp hộ ở Việt Nam để đánh giá tác động của chất lượng hành chính công đến giảm nghèo, với hai biến số chính đo lường chất lượng hành chính công và nghèo là PAPI và tỷ lệ hộ nghèo theo thu nhập, kết hợp với phương pháp hồi quy phân vị hiệu ứng cố định, nghiên cứu đã chỉ ra được chất lượng hành chính công có tác động tích cực đến giảm nghèo, bên cạnh đó, nghiên cứu cũng cho thấy quản trị và hành chính công tốt hơn sẽ mang lại nhiều lợi ích hơn cho những người càng nghèo.

Mặc dù đã có nhiều vấn đề được đề cập đến trong tổng quan nghiên cứu, nhưng dưới góc độ nghiên cứu của bài viết, vẫn còn tồn tại nhiều điểm chưa được đề cập đến, từ đó xác định được những khoảng trống trong nghiên cứu. Cụ thể đó là: (1) các nghiên cứu ở Việt Nam đo lường nghèo dưới góc độ tiếp cận đa chiều còn ít. Hầu hết những nghiên cứu trên đều tập trung vào đo lường tác động của thể chế đến nghèo nhưng theo góc độ tiếp cận từ thu nhập; (2) các mô hình hay các phương pháp ước lượng tác động của thể chế đến nghèo chủ yếu nghiên cứu ở cấp độ quốc gia. Từ tổng quan nghiên cứu có thể thấy có rất ít công trình nghiên cứu ở góc độ địa phương trong phạm vi một quốc gia.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Mô hình nghiên cứu

Bài viết kế thừa mô hình được nêu ra trong nghiên cứu của Massimo Baldini & cộng sự (2017) và nghiên cứu của Jindra & Vaz (2019). Mô hình đánh giá tác động của thể chế đến nghèo đa chiều có dạng sau:

$$mp_{ia} = P(\text{nghèo đa chiều}) = \beta_0 + \beta_1 \text{LogLPAPI} + \beta_2 X_{ia} + \beta_3 Z_a + \text{year dummy} + \varepsilon_{it} \quad (1)$$

Biến phụ thuộc (nghèo đa chiều, mp): nhận giá trị là 1 nếu hộ gia đình *i* sống ở địa phương *a* là nghèo đa chiều, nhận giá trị là 0 nếu hộ đó không nghèo đa chiều, phù hợp với các nghiên cứu của Massimo Baldini & cộng sự (2017) và nghiên cứu của Jindra & Vaz (2019). Biến phụ thuộc chính được sử dụng trong nghiên cứu là tình trạng nghèo đa chiều của hộ gia đình được đo bằng chỉ số MPI được tính toán theo hướng dẫn của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội năm 2015. Số liệu nghèo đa chiều do Tổng cục Thống kê công bố hàng năm là số liệu cấp tỉnh, tuy nhiên do mới được đưa vào sử dụng từ năm 2016 nên chuỗi số liệu không nhiều. Dựa trên các khía cạnh đo lường của chỉ số nghèo đa chiều ở Việt Nam, bài viết sử dụng bộ số liệu VHLSS trong 2 năm 2016 và 2018 để xác định trình trạng nghèo đa chiều của các hộ gia đình.

Thể chế (LogLPAPI): Bài viết sử dụng chỉ số PAPI để dùng làm thang đo cho chất lượng thể chế ở Việt Nam. Dựa trên nghiên cứu của Nguyen Viet Cuong & cộng sự (2019), bài viết sử dụng PAPI bị trễ một năm với so với bộ dữ liệu Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam (VHLSS), cụ thể trong chạy mô hình định lượng, các dữ liệu PAPI của các tỉnh sẽ được thu thập tại các năm 2015 và 2017, lựa chọn này xuất phát từ 2 căn cứ: (1) sử dụng các biến độc lập và biến phụ thuộc trong cùng 1 năm có thể dẫn đến quan hệ nhân quả ngược. Sử dụng độ trễ của biến độc lập sẽ tránh được vấn đề trên và giảm thiểu sai lệch nội sinh trong mô hình; (2) năm 2018, PAPI đã điều chỉnh, lược bỏ và bổ sung một số chỉ tiêu đo lường ở một số nội dung.

Xia là một vector của các biến giải thích về đặc điểm của hộ gia đình, gồm các biến: đặc điểm của hộ gồm nhóm giới tính; quy mô hộ gia đình; bằng cấp cao nhất của chủ hộ và một biến xác định địa bàn cư trú của hộ gia đình: thành thị/ nông thôn; vùng kinh tế xã hội dựa theo nghiên cứu của Jindra & Vaz (2019).

Za là một vector của các biến giải thích về các biến số về mức độ phát triển kinh tế cấp Tỉnh: logarithm về thu nhập bình quân đầu người; xếp loại thu nhập của địa phương; tỷ lệ hộ gia đình sống ở thành thị cũng dựa theo nghiên cứu của Jindra & Vaz (2019).

Biến giả năm (year dummy) cũng được bổ sung để kiểm soát thêm các sự kiện kinh tế để đảm bảo tác động ước lượng chủ yếu là của các biến trong mô hình.

Mô hình (1) được ước lượng bằng phương pháp hồi quy theo mô hình Probit nhị phân đa tầng, phù hợp với nghiên cứu của Massimo Baldini & cộng sự (2017) và nghiên cứu của Jindra & Vaz (2019).

3.2. Nguồn dữ liệu, số liệu

Bài viết khai thác các nguồn dữ liệu thứ cấp bao gồm các dữ liệu đã được công bố và các dữ liệu thô từ kết

quả của các cuộc điều tra. Dữ liệu chính được khai thác sử dụng trong bài viết là số liệu thô từ cuộc điều tra khảo sát mức sống dân cư (VHLSS), ngoài ra bài viết sử dụng thêm nguồn dữ liệu từ cuộc điều tra hiệu quả công tác điều hành, thực thi chính sách, cung ứng dịch vụ công dựa trên đánh giá và trải nghiệm của người dân ở Việt Nam (PAPI) và một số các nguồn dữ liệu được công bố từ Niên giám thống kê cả nước cũng như của từng địa phương và các cuộc điều tra khác.

4. Kết quả nghiên cứu

Các kết quả của 5 mô hình với hệ số tương quan của biến ảnh hưởng đến xác suất rơi vào nghèo đa chiều được ký hiệu là hệ số β , ảnh hưởng biên (margins) và mức ý nghĩa thống kê của hệ số và ảnh hưởng biên được thể hiện trong các bảng phân tích ở dưới. Kiểm định mô hình Probit tiêu chuẩn, kết quả cho thấy: (i) mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến (với các hệ số VIF của các biến độc lập nhỏ hơn 10); (ii) các biến độc lập là phù hợp với mô hình (các biến số tiên đoán có ý nghĩa với kiểm định linktest cho thấy hệ số β có ý nghĩa thống kê). Kết quả đánh giá tác động của thể chế và các biến đặc điểm của địa phương đến xác suất nghèo đa chiều của hộ, kết quả cụ thể ở Bảng 1.

Bảng 1: Kết quả ước lượng và tác động biên

Biến	Mô hình 1		Mô hình 2		Mô hình 3	
	Hệ số β	Tác động biên	Hệ số β	Tác động biên	Hệ số β	Tác động biên
Biến cấp hộ						
Quy mô hộ	0,0459***	0,0057***	0,0481***	0,0060***	-0,20***	0,0059***
Giới tính của chủ hộ	-0,2025***	-0,0254***	-0,2041***	-0,0255***	-0,51***	-0,0252***
Chủ hộ có tuổi từ 30 đến 59	-0,5257***	-0,0661***	-0,5204***	-0,0652***	-0,22**	-0,0639***
Chủ hộ có tuổi từ 60 trở lên	-0,2398**	-0,0301**	-0,2314**	-0,0290**	0,11***	-0,0276**
Số trẻ em dưới 5 tuổi trong hộ	0,1181***	0,0148***	0,1144***	0,0143***	-0,59***	0,0144***
Trình độ đào tạo của chủ hộ	-0,6029***	-0,0758***	-0,6020***	-0,0755***	-0,38***	-0,0749***
Vùng Đồng bằng sông Hồng	-0,5512***	-0,0693***	-0,4037***	-0,0506***	0,61***	-0,048**
Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc	0,8726***	0,1097***	0,6111***	0,0766***	0,25**	0,0771***
Vùng Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung	0,2922**	0,0367**	0,2520**	0,0316**	0,60***	0,0321**
Vùng Tây Nguyên	0,6591***	0,0828***	0,5891***	0,0738***	-0,78***	0,0753***
Vùng Đông Nam Bộ	-1,0983***	-0,1381***	-0,8128***	-0,1019***	-15,65***	-0,0981***
Thành thị nông thôn	-0,2943***	-0,037***	-0,2673***	-0,0335***	-0,20***	-0,0301***
Biến cấp Tỉnh						
Biến trễ của Thể chế (loglpapi)	-0,9778**	-0,1229**	-1,0026**	-0,1257**	-1,73**	-0,1256**
Biến thu nhập bình quân (LogTNBQ)			-0,4895***	-0,0613***	-0,48***	-0,0609***
Tỷ lệ hộ gia đình sống ở thành thị			-0,6678**	-0,0837**	-0,72**	-0,0904**
Biến tương tác						
Thành thị x thể chế (loglpapi)					4,29***	
Hệ số chặn	2,39		6,52***		9,1***	
Biến giả năm	Có		Có		Có	
ICC	0,32		0,28		0,28	
AIC	8748,681		8710,038		8690,736	
Log likelihood	-4358,3407		-4337,019		-4326,368	

Chú thích: ký hiệu các mức ý nghĩa * $p < 0,1$, ** $p < 0,05$, *** $p < 0,01$

Nguồn: Tính toán từ VHLSS 2016, 2018.

Mô hình 1, các biến đều có ý nghĩa thống kê và dấu của các biến cho thấy:

Các biến về quy mô hộ và số trẻ em dưới 5 tuổi trong hộ có tác động dương còn các biến còn lại về giới tính; độ tuổi của chủ hộ; trình độ đào tạo của chủ hộ có dấu âm và tất cả các biến đều có ý nghĩa thống kê. Điều này phản ánh đúng thực trạng hiện nay ở các hộ gia đình. Cụ thể, các hộ gia đình có chủ hộ là nam giới thì xác suất rơi vào trình trạng nghèo đa chiều là thấp hơn so với nữ giới; trình độ đào tạo của chủ hộ càng

cao thì xác suất rơi vào nghèo đa chiều của hộ đó thấp hơn so với những hộ có trình độ đào tạo. Thêm vào đó, hộ gia đình càng đông người và có nhiều trẻ em dưới 5 tuổi thì xác suất rơi vào hộ nghèo đa chiều càng tăng. Nếu chia theo nhóm tuổi, chủ hộ trong độ tuổi từ 30 đến 59 thì xác suất rơi vào nghèo đa chiều sẽ thấp hơn so với chủ hộ từ 60 tuổi trở lên. Mô hình cũng giải thích thêm việc các hộ gia đình sống ở khu vực thành thị, nông thôn và trên 6 vùng kinh tế xã hội trên cả nước thì xác suất rơi vào nghèo đa chiều cũng sẽ khác nhau. Khi phân tích đặc điểm nhân khẩu theo vùng miền, dự báo về đầu của mô hình nghiên cứu đều phù hợp.

Thể chế có tác động âm và có ý nghĩa thống kê, điều này chỉ ra rằng mức độ cao hơn của thể chế hay chất lượng thể chế tốt hơn sẽ liên quan đến mức độ nghèo đa chiều thấp hơn, hay nói cách khác, khi thể chế tốt hơn thì xác suất nghèo đa chiều giảm đi. Tác động biên của biến thể chế cho thấy, khi thể chế của địa phương nơi hộ sinh sống tăng 1 điểm thì xác suất nghèo đa chiều của hộ giảm 12,29%. Nếu sử dụng mô hình này để dự đoán xác suất nghèo đa chiều đối với một hộ gia đình trung bình sống ở một địa phương có mức độ thể chế tương đương với tỷ lệ phần trăm thứ 10 của các địa phương trong mẫu, sẽ nhận được giá trị 11,07%. Xác suất này giảm xuống còn 9,53% đối với một hộ gia đình trung bình sống ở một địa phương có mức độ thể chế tương đương với tỷ lệ phần trăm thứ 90. Như vậy, có thể thấy tác động tích cực của thể chế đến nghèo đa chiều.

Mô hình 2, nghiên cứu bổ sung thêm mô hình Logarithm thu nhập bình quân đầu người 1 tháng và biến “tỷ lệ hộ gia đình sống ở thành thị” ở các địa phương vào mô hình ước lượng. Cả biến thể chế và hai biến mới cùng mang dấu âm và đều có ý nghĩa thống kê. Điều này cho thấy, khi thể chế và thu nhập bình quân đầu người tăng lên thì xác suất rơi vào nghèo đa chiều là giảm đi, điều đó cho thấy thể chế vẫn có tác động tích cực đến nghèo đa chiều. Biến “tỷ lệ hộ gia đình sống ở thành thị” mang dấu âm, điều này cho thấy những địa phương có tỷ lệ hộ gia đình sống ở thành thị nhiều hơn những địa phương có tỷ lệ hộ gia đình sống ở khu vực nông thôn thì xác suất nghèo đa chiều là thấp hơn.

Với *mô hình 3*, nghiên cứu bổ sung thêm biến tương tác giữa việc sống ở thành thị và thể chế có ảnh hưởng như thế nào đến xác suất rơi vào tình trạng nghèo đa chiều của hộ. Hệ số này là dương và có ý nghĩa thống kê, điều này cho thấy rằng khi thể chế tốt hơn thì lợi thế sống ở khu vực thành thị sẽ giảm đi, hay nói cách khác là thể chế của địa phương được cải thiện thì mức độ chênh lệch trong xác suất rơi vào tình trạng nghèo ở nông thôn và thành thị sẽ được thu hẹp lại. Để kiểm chứng cho điều này, mô hình tiến hành dự đoán xác suất rơi vào tình trạng nghèo đa chiều ở những hộ gia đình nông thôn và thành thị tại những địa phương có thể chế cao (bằng tỷ lệ phần trăm thứ 90 của các địa phương trong mẫu nghiên cứu) và so sánh với mức độ chênh lệch trong khi sống ở những địa phương có thể chế thấp (bằng tỷ lệ phần trăm thứ 10 của các địa phương trong mẫu nghiên cứu). Số liệu tính toán từ Stata cho thấy, với những địa phương có thể chế thấp, bằng tỷ lệ phần trăm thứ 10, thì xác suất hộ gia đình nghèo đa chiều ở khu vực thành thị thấp hơn 5,71 điểm phần trăm so với sống ở khu vực nông thôn (6,32% ở thành thị so với 12,03% ở nông thôn). Sự khác biệt này giảm xuống còn -0,54 điểm phần trăm (9,74% ở thành thị và 9,2% ở nông thôn) khi thể chế được cải thiện (tại những địa phương có thể chế bằng tỷ lệ phần trăm thứ 90). Một kết luận thứ hai rút ra từ mô hình 3, khi thể chế được cải thiện thì xác suất nghèo đa chiều của những hộ gia đình sống ở khu vực thành thị lại có xu hướng tăng lên. Ở những địa phương có thể chế thấp (ở mức tỷ lệ phần trăm thứ 10), xác suất rơi vào nghèo đa chiều ở thành thị là 6,32%, nhưng khi thể chế tốt hơn (bằng tỷ lệ phần trăm thứ 90), xác suất rơi vào nghèo đa chiều ở thành thị tăng lên đến 9,74%.

Mô hình 4 là mô hình có đưa thêm biến nhóm thu nhập (i.tn) của các địa phương vào mô hình để giải thích thêm mức độ cải thiện thu nhập của các địa phương có giúp làm giảm nghèo đa chiều hay không.

Mô hình 5 là mô hình giải thích cho việc biến tương tác giữa việc sống ở các địa phương có các mức độ thu nhập khác nhau với thể chế sẽ ảnh hưởng như thế nào đến xác suất rơi vào tình trạng nghèo của hộ bằng việc đưa thêm biến tương tác giữa các mức thu nhập (i.tn) với biến thể chế (loglpapi). Kết quả của 2 mô hình thể hiện ở Bảng 2:

Xét tác động của các nhóm thu nhập đến xác suất rơi vào nghèo đa chiều của các hộ gia đình, có thể thấy với những địa phương có trình độ phát triển khác nhau thì xác suất rơi vào nghèo đa chiều của hộ sống tại những địa phương đó là khác nhau, cụ thể, khi hộ sống ở các địa phương có mức thu nhập rất cao xác suất nghèo đa chiều của hộ giảm 17,62%, ở địa phương có mức thu nhập cao giảm 14,27%, địa phương có mức thu nhập trung bình giảm 13,76% và mức giảm thấp nhất là 11,33% ở những địa phương có mức thu nhập thấp.

Bảng 2: Kết quả ước lượng mô hình

Biến	Mô hình 4		Mô hình 5	
	Hệ số β	Tác động biên	Hệ số β	Tác động biên
Biến cấp hộ				
Quy mô hộ	0,04***	0,0057***	0,04***	0,0057***
Giới tính của chủ hộ	-0,20***	-0,0255***	-0,20***	-0,0256***
Chủ hộ có tuổi từ 30 đến 59	-0,51***	-0,0641***	-0,51***	-0,0639***
Chủ hộ có tuổi từ 60 trở lên	-0,23**	-0,0286**	-0,23**	-0,0285**
Số trẻ em dưới 5 tuổi trong hộ	0,11***	0,0146***	0,12***	0,0147***
Trình độ đào tạo của chủ hộ	-0,61***	-0,0753***	-0,61***	-0,0752***
Vùng Đồng bằng sông Hồng	-0,36**	-0,0447**	-0,37**	-0,0458**
Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc	0,08	0,0101	0,07	0,0091
Vùng Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung	0,10	0,013	0,12	0,0149
Vùng Tây Nguyên	0,39**	0,0486**	0,38**	0,0472**
Vùng Đông Nam Bộ	-0,75***	-0,0932***	-0,72***	-0,09***
Thành thị nông thôn	-0,27***	-0,0339***	-0,27***	-0,0341***
Biến cấp Tỉnh				
Biến trễ của Thẻ chế (loglpapi)	-0,69**	-0,086**	-2,74**	-0,1095*
Biến thu nhập bình quân (LogTNBQ)	-0,14	-0,018	-0,14	-0,0177
Tỷ lệ hộ gia đình sống ở thành thị	0,11	0,0147	0,009	0,0011
Phân chia Tỉnh theo thu nhập				
<i>Thu nhập thấp</i>	-0,63***	-0,1133***	-6,01	-0,1064***
<i>Thu nhập trung bình</i>	-0,83***	-0,1376***	-7,93	-0,1315***
<i>Thu nhập cao</i>	-0,88***	-0,1427***	-17,75**	-0,1345***
<i>Thu nhập rất cao</i>	-1,28***	-0,1762***	-18,79**	-0,1743***
Biến tương tác				
Thu nhập x thẻ chế				
<i>Thu nhập thấp x thẻ chế</i>			1,5	
<i>Thu nhập trung bình x thẻ chế</i>			1,98	
<i>Thu nhập cao x thẻ chế</i>			4,71**	
<i>Thu nhập rất cao x thẻ chế</i>			4,86**	
Hệ số chặn		3,45*		10,73**
Biến giả năm		Có		Có
ICC		0,27		0,26
AIC		8656,189		8651,146
Log likelihood		-4306,0946		-4299,5729

Chú thích: ký hiệu các mức ý nghĩa * $p < 0,1$, ** $p < 0,05$, *** $p < 0,01$

Nguồn: Tính toán từ VHLSS 2016, 2018.

Khi đưa thêm biến tương tác giữa thu nhập với thẻ chế vào mô hình, biến thẻ chế có tác động âm đến xác suất nghèo đa chiều và vẫn có ý nghĩa thống kê. Biến tương tác mang dấu dương và giá trị tăng dần theo mức thu nhập của các địa phương cho thấy với các địa phương ở mức độ phát triển khác nhau thì tác động của thẻ chế đến giảm nghèo đa chiều là khác nhau và khi thẻ chế ngày một tốt hơn thì lợi thế sống ở các địa phương có mức thu nhập cao sẽ giảm đi, hay nói cách khác là thẻ chế được cải thiện thì mức độ chênh lệch trong xác suất rơi vào nghèo đa chiều ở những địa phương có mức thu nhập thấp và mức thu nhập cao sẽ được thu hẹp. So sánh biến tương tác có thể thấy được ba vấn đề như sau:

Thứ nhất, với thẻ chế thấp, ở các địa phương có mức độ phát triển khác nhau thì xác suất nghèo đa chiều của hộ sống ở những địa phương đó có mức độ chênh lệch lớn, nhưng khi thẻ chế tốt hơn, thì mức độ khác biệt về xác suất nghèo đa chiều của hộ sống tại những địa phương có mức độ phát triển khác nhau là thấp hơn.

Thứ hai, kết quả trên cho thấy ở những địa phương có mức thu nhập rất thấp và thấp, tác động của thẻ chế đến nghèo đa chiều mạnh hơn so với những địa phương có mức thu nhập cao hơn. Phát hiện này chỉ ra rằng, thẻ chế có vai trò quan trọng hơn đối với mục tiêu giảm nghèo đa chiều ở những địa phương có mức thu nhập rất thấp và thấp hơn là những địa phương có mức thu nhập cao và rất cao. Kết luận này của bài viết tương

tự như kết quả của Li & cộng sự (2000) và Dollar & Kraay (2002) với phát hiện thu nhập của các quốc gia ở mức thấp hơn phản ứng nhanh hơn với sự thay đổi của thể chế.

Thứ ba, với các địa phương có mức thu nhập cao và rất cao, thể chế lại có tác động tiêu cực đến nghèo đa chiều. Cụ thể, ở những địa phương có mức độ thể chế thấp, bằng tỷ lệ phần trăm thứ 10 của các địa phương trong mẫu, xác suất rơi vào nghèo đa chiều của những hộ sống ở các địa phương có mức thu nhập cao và rất cao là 6% và 2,55%, nhưng khi thể chế tốt hơn, bằng tỷ lệ phần trăm thứ 90 của các địa phương trong mẫu, xác suất rơi vào nghèo đa chiều của những hộ tại 2 nhóm địa phương trên có xu hướng tăng lên, lần lượt là 8,66% và 4,07%. Điều này được lý giải bởi các khu vực đô thị, người nghèo lại dễ bị tổn thương bởi tác động từ các cú sốc xã hội có liên quan tới giá cả, khủng hoảng kinh tế.

5. Kết luận và khuyến nghị

5.1. Những kết luận

Trên cơ sở phân tích ở trên, bài viết rút ra một số kết luận đánh giá thực trạng tác động của thể chế đến nghèo đa chiều ở Việt Nam như sau: (i) thể chế có tác động tích cực đến nghèo đa chiều khi xem xét một cách tổng thể; (ii) tác động của thể chế đến nghèo đa chiều mạnh hơn ở khu vực nông thôn và ở những địa phương có mức thu nhập thấp và rất thấp. Nói cách khác, về nghèo đa chiều, các “địa phương nghèo” có nhiều khả năng được hưởng lợi từ việc cải thiện thể chế hơn các “địa phương giàu”.

Mặc dù đã có những dấu hiệu tích cực bước đầu về tác động của thể chế đến nghèo đa chiều, song vẫn còn tồn tại hai vấn đề cần giải quyết như sau:

Thứ nhất, thể chế hiện hành có hiệu ứng “ngược” với giảm nghèo đa chiều của các hộ gia đình ở khu vực thành thị. Các hộ gia đình ở thành thị có xác suất rơi vào nghèo đa chiều ngày một tăng khi thể chế được cải thiện. Điều này có thể xuất phát từ tính chất nghèo thành thị có nhiều điểm khác biệt với nghèo ở khu vực nông thôn, cụ thể như người nghèo ở thành thị phải đối mặt với nhiều nguy cơ hơn, tác động của hệ thống tài chính... Hoặc có thể đến từ nguyên nhân bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả quản trị (chỉ số PAPI) chưa tính nhiều đến tính đặc thù của khu vực thành thị. Chính vì vậy, cần phải có chính sách giảm nghèo mang tính chất đặc thù cho khu vực thành thị.

Thứ hai, thể chế hiện hành có tác động tiêu cực đến nghèo đa chiều ở các địa phương có mức thu nhập cao và rất cao.

5.2. Những khuyến nghị

Dựa trên kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất một số khuyến nghị sau để tăng cường tác động của thể chế đến giảm nghèo đa chiều ở Việt Nam trong giai đoạn tới:

Thứ nhất, cần hoàn thiện hệ thống các tiêu chí đánh giá và các nhân tố tác động đến nghèo đa chiều để làm căn cứ đánh giá. Các chỉ số đo lường nghèo đa chiều cần được xác định dựa trên kết quả đầu ra, đồng thời nghiên cứu bổ sung thêm các chiều đánh giá để xác định chuẩn xác hơn nghèo đa chiều.

Thứ hai, xây dựng lộ trình hoàn thiện, sửa đổi và bổ sung hệ thống các cơ chế, chính sách hiện hành liên quan đến giảm nghèo đa chiều; rà soát, điều chỉnh các chính sách giảm nghèo tránh sự chồng chéo.

Thứ ba, cần có chính sách giảm nghèo mang tính đặc thù của từng vùng, không nên bỏ qua những địa phương không khó khăn, đặc biệt là ở khu vực thành thị. Áp dụng mạnh hơn nữa cách tiếp cận đa chiều về giảm nghèo, nên có những tiêu chí mang tính phù hợp hơn với đặc trưng nghèo ở thành thị. Cần tập trung vào các giải pháp tăng cường độ phủ của chính sách bảo trợ xã hội gắn với việc giảm thiểu sự phân biệt đối xử với người nhập cư. Cần áp dụng các chính sách hỗ trợ cho tất cả người nghèo trên địa bàn đô thị không phân biệt là lao động di cư.

Tài liệu tham khảo

- Acemoglu D. & James A. R. (2013), *Tại sao các quốc gia Thất bại: Nguồn gốc của quyền lực, thịnh vượng và nghèo đói*, Nguyễn Quang A dịch, Nhà Xuất Bản Trẻ, Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Chong, A. & Calderón, C. (2000), ‘Institutional Quality and Poverty Measures in a Cross-Section of Countries’, *Economics of Governance*, 1, 123-135.

-
- Cuestas J. C. & IN Tartaglia M. (2016), 'Do institutions alleviate poverty? New Empirical Evidence', *Economics Bulletin*, 36 (1), 145-154.
- Đảng Cộng Sản Việt Nam (2010), *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 – 2020*, Hà Nội.
- Dollar D. & Kraay A. (2002), 'Growth is good for the poor', *Journal of Economic Growth*, 7 (3), 195-225.
- Dreze, J. & Sen, A. (1995), *India: economic development and social opportunity*, New Delhi: Oxford University Press, Oxford, UK.
- Grindle, M. S. (2004), 'Good Enough Governance: Poverty Reduction and Reform in Developing Countries', *Governance*, 17 (4), 525-548.
- Jalan, J. & Ravallion, M. (1999), 'Are the poor less well insured? Evidence on vulnerability to income risk in Rural China', *Journal of Development Economics*, 26, 338-517.
- Jindra & Vaz (2019), 'Good governance and multidimensional poverty: A comparative analysis of 71 countries', *Governance*, 1–19.
- Kaufmann D., A. Kraay & M. Mastruzzi (2010), *The Worldwide Governance Indicators: Methodology and Analytical Issues*, World Bank, Washington, USA.
- Li, H., Xu, L. C., & Zou, H. (2000), 'Corruption, income distribution and growth', *Economics and Politics*, 12, 155–182.
- Massimo B., Vito P. & Luca S. (2017), 'Quality of Government and Subjective Poverty in Europe', *CESifo Economic Studies*, 64 (3), 371–395.
- Nguyen Viet Cuong, Giang Thanh Long, Tran Ngoc Anh & Do Thanh Huyen (2019), 'Do Good Governance and Public Administration Improve Economic Growth and Poverty Reduction? The Case of Vietnam', *International Public Management Journal*, 24(1), 131-161.
- North, D. C (1990), *Institutions, institutional change and economic performance*, Cambridge University Press, Cambridge, UK.
- Reham Rizk (2012), 'Governance and Its Impact on Poverty Reduction: Is there a role for Knowledge Management?', *International Journal of Innovation and Knowledge Management in Middle East & North Africa*, 1 (1), 81-104.
- Sen, A. (1999), 'Democracy As A Universal Value', *Journal of Democracy*, 10 (3), 3-17.
- Siddique, H., Shehzadi, I., Shaheen, A. & Manzoor, M., R. (2016), 'The impact of governance and institutions on education and poverty alleviation: a panel study of saarc economies', *Science International (Lahore)*, 28(2), 1431-1435.
- Strauss, J., & Thomas, D. (1998), 'Health, nutrition and economic development', *Journal of Economic Literature*, 36, 766-817.
- UNDP & VASS (2016), *Tăng trưởng vì mọi người: Báo cáo phát triển con người Việt Nam 2015 về tăng trưởng bao trùm*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
- World Bank (2020), *World Bank Country and Lending Groups*, truy cập lần cuối ngày 18 tháng 5 năm 2020, từ <https://datahelpdesk.worldbank.org/knowledgebase/articles/906519>.